

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

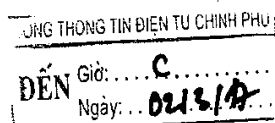
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2017/QĐ-UBND

An Giang, ngày 17 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính về việc quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 103/TTr-SKHCN ngày 03 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang”.

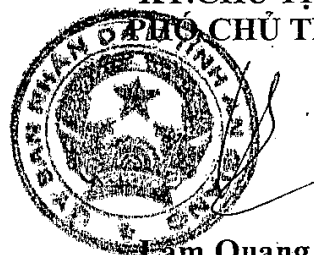
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2017 và thay thế Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang và Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Khoản 3, Điều 9 và Khoản 2, Điều 10 của Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP, UBND tỉnh;
- Website tỉnh An Giang, Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, P.KTN, P.TH, P.VHXH, P.NC, P.HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI BIỂU CHỦ TỊCH



Lâm Quang Thi

QUY ĐỊNH

**Quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, tổ chức thực hiện, công bố, đăng ký và ứng dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ sở và Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ quản lý quá trình triển khai thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh bao gồm các sở, ban, ngành, Trường Đại học An Giang, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, Trường Cao đẳng nghề, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

2. Các doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp có quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

3. Các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ do Thủ trưởng cơ sở quyết định thành lập;

4. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ ở cơ sở, bao gồm các hoạt động như sau:

- a) Nghiên cứu khoa học;
- b) Cải tiến và phát triển công nghệ;
- c) Khảo nghiệm, thử nghiệm các giống mới và quy trình sản xuất mới;
- d) Ứng dụng, thử nghiệm các kết quả nghiên cứu khoa học hiệu quả, các tiến

bộ khoa học, công nghệ và quy trình công nghệ mới vào sản xuất;

đ) Nghiên cứu, kiểm định chất lượng, ứng dụng phương pháp mới nhằm cải tiến, nâng cao phương pháp giảng dạy, học tập tại các trường, trung tâm nghiên cứu trên địa bàn.

2. *Đơn vị cơ sở* là các Sở, ban, ngành tỉnh, Trường Đại học An Giang, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, Trường Cao đẳng nghề, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được giao nhiệm vụ: Xác định danh mục nhiệm vụ; tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; phê duyệt nội dung và kinh phí; kiểm tra và đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở ở huyện, thị xã, thành phố, sở, ban, ngành tỉnh.

3. *Thủ trưởng cơ sở* là người đứng đầu đơn vị cơ sở.

4. *Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ* là Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố; các Phòng (ban, bộ phận) thuộc đơn vị cơ sở có nhiệm vụ theo dõi, quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

5. *Tổ chức chủ trì* là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

6. *Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là cá nhân đã đăng ký, được trúng tuyển và chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở.

7. *Đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là việc dựa trên nhu cầu của Đơn vị cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, đưa ra yêu cầu về sản phẩm khoa học và công nghệ, cung cấp kinh phí để tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ nghiên cứu, tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ thông qua hợp đồng.

8. *Tuyển chọn và xét duyệt đề cương nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực tốt nhất để thực hiện đạt hiệu quả cao nhất. Việc xét duyệt đề cương là thẩm định sự phù hợp của cách tiếp cận, các nội dung và phương pháp tiến hành; mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm so với yêu cầu, khả năng ứng dụng và tác động của các kết quả, tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện, mức độ xác thực, chi tiết của dự toán kinh phí và tính hợp lý trong bố trí kinh phí.

9. *Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là quá trình thẩm định, xem xét các kết quả nghiên cứu trên cơ sở đề cương được phê duyệt và các tài liệu pháp lý khác có liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thủ trưởng cơ sở:

a) Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn tại đơn vị cơ sở gồm: Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét duyệt đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

b) Có trách nhiệm đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện hàng năm;

c) Có trách nhiệm quản lý việc thực hiện và tổ chức triển khai ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của đơn vị.

2. Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, kiểm tra các hồ sơ (đề xuất danh mục, đề cương chi tiết, báo cáo tổng kết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở) trước khi gửi về Sở Khoa học và Công nghệ; Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ theo nội dung đã được phê duyệt; Tổng hợp báo cáo với Thủ trưởng cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ về các nhiệm vụ có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc các nguồn kinh phí khác do đơn vị mình quản lý trong năm.

3. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý và cấp phát kinh phí, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, thực hiện chế độ báo cáo cho Đơn vị cơ sở và Sở Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được đánh giá “Không đạt” do chưa hoàn thành khối lượng công việc, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải hoàn thiện các nội dung theo Hợp đồng trong thời hạn 06 tháng từ nguồn kinh phí của đơn vị. Nếu không đạt do vi phạm về cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu không trung thực, tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và kế hoạch thực hiện, quản lý tài chính sai quy định sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành; đồng thời, phải chịu toàn bộ chi phí cho việc đánh giá, tổ chức xử lý vi phạm.

Khi có thay đổi về nội dung, địa điểm, kinh phí, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải báo cáo bằng văn bản cho Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ đề trình Thủ trưởng cơ sở xem xét, giải quyết trên cơ sở đã thống nhất với Sở Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp vi phạm về quản lý tài chính hoặc tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung, thời gian và địa điểm thực hiện, Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ cấp cơ sở sẽ lập biên bản đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện hàng năm và quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ căn cứ vào đề xuất của Thủ trưởng cơ sở tại Khoản 1 Điều này.

Chương II

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

Điều 5. Các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Thủ trưởng cơ sở quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cơ sở, gồm các Hội đồng tư vấn như sau:

a) Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (gọi tắt là Hội đồng xác định danh mục);

b) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét duyệt đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (gọi tắt là Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương);

c) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (gọi tắt là Hội đồng đánh giá và nghiệm thu).

2. Hội đồng có từ 7 đến 9 thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng và các ủy viên, trong đó, có 01 - 02 ủy viên phản biện (đối với Hội đồng đánh giá nghiệm thu) và 01 ủy viên kiêm thư ký khoa học. Thủ trưởng cơ sở là Chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng) bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ là Phó Chủ tịch và các ủy viên khác. Các ủy viên gồm đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn. Kỳ họp Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.

Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi các thành viên Hội đồng toàn bộ hồ sơ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng.

Thành viên tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét duyệt đề cương chi tiết nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được ưu tiên mời tham gia Hội đồng đánh giá và nghiệm thu.

Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không được tham gia thành viên Hội đồng.

3. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng

a) Hội đồng chịu trách nhiệm xem xét nội dung, phương pháp thực hiện, đánh giá về tính mới, tính khả thi, tính nhân rộng, tính hợp lý của kinh phí và kết quả triển khai thực hiện, hiệu quả kinh tế xã hội của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

b) Làm việc trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

c) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét, đánh giá và luận giải cụ thể cho nội dung tư vấn và đánh giá theo các tiêu chí được quy định;

d) Trước khi đánh giá, chấm điểm, Hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm đối với từng tiêu chí;

đ) Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình tham gia tư vấn.

Điều 6. Thành phần và trách nhiệm của tổ thẩm định kinh phí

1. Thủ trưởng cơ sở thành lập Tổ thẩm định để thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sau khi Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Việc thẩm định dự toán kinh phí căn cứ vào:

a) Các nội dung nghiên cứu, khối lượng công việc cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương thông qua;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do các Bộ, ngành có liên quan hoặc tỉnh ban hành. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán;

c) Các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước;

d) Định mức chi các hoạt động thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Tổ thẩm định kinh phí có từ 3-5 thành viên, gồm đại diện cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ, phụ trách kế toán của các đơn vị cơ sở và đại diện các ngành, các nhà khoa học, quản lý có liên quan. Tổ thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của mình và được hưởng chế độ trách nhiệm theo quy định hiện hành.

Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thẩm định lại kinh phí nếu phát hiện có điểm bất hợp lý về kinh phí thực hiện.

3. Trách nhiệm của Tổ thẩm định kinh phí

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định;

b) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở với các nội dung nghiên cứu phù hợp với kết luận của Hội đồng tuyển chọn xét duyệt đề cương chi tiết và các chế độ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi hiện hành của nhà nước;

c) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác). Tổ chức kiểm tra, xác minh kinh phí đối ứng (ngoài ngân sách nhà nước) của tổ chức đăng ký chủ trì nếu xét thấy cần thiết.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được hỗ trợ tối đa 50% trên tổng kinh phí thực hiện nhưng không quá 60 triệu đồng/nhiệm vụ.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ kinh phí được chi từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ. Những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không được Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ, nếu Thủ trưởng cơ sở xét thấy cần thiết thực hiện thì chi từ nguồn ngân sách sự nghiệp khác thì phải xin ý kiến Sở Tài chính hoặc chi từ nguồn tham gia đóng góp, tài trợ khác theo quy định.

2. Định mức chi cho hoạt động quản lý, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được áp dụng mức chi theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc Quy định định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Kinh phí chi cho hoạt động của các Hội đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh (đối với Hội đồng của huyện, thị, thành phố và

Sở Khoa học và Công nghệ); từ nguồn kinh phí hoạt động của Sở, ban, ngành (đối với Hội đồng của Sở, ban, ngành).

Chương III

XÁC ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DANH MỤC

Điều 8. Trình tự xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thủ trưởng cơ sở tổ chức lấy ý kiến rộng rãi từ các đơn vị, bộ phận về những nhiệm vụ khoa học và công nghệ thường xuyên hàng năm. Trên cơ sở đó, xem xét và tổng hợp thành danh mục đề xuất gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ danh mục đề xuất gồm:

- a) Biên bản họp Hội đồng;
- b) Bảng tổng hợp danh mục;
- c) Phiếu đề xuất của từng nhiệm vụ.

3. Thời gian nộp hồ sơ danh mục đề xuất:

- Đợt 1: Chậm nhất ngày 31/3 hàng năm;
- Đợt 2: Chậm nhất ngày 31/10 hàng năm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng cấp tỉnh để xem xét xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được hỗ trợ kinh phí thực hiện từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh và ban hành Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ hàng năm (trừ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ đặt hàng được thực hiện theo Điều 9 của quy định này).

Điều 9. Đề xuất đặt hàng

1. Theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội có những vấn đề bức xúc phát sinh, các Sở ngành, địa phương có thể đặt hàng trực tiếp với các tổ chức khoa học và công nghệ, các cá nhân có năng lực và gửi đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ. Qua xem xét nếu cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tổ chức Hội đồng khoa học công nghệ cấp tỉnh (đợt xuất) để xem xét, có ý kiến.

2. Đề xuất đặt hàng phải đảm bảo các nội dung sau: tên, tính cấp thiết của nhiệm vụ, mục tiêu cần đạt, nội dung thực hiện, kết quả hoặc sản phẩm dự kiến sẽ đạt được, địa chỉ ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và các thông tin liên quan khác (nếu có). Đề xuất đặt hàng được đánh giá “đạt yêu cầu” sơ bộ khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

- a) Đầy đủ thông tin trong Phiếu đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo.
- b) Có đủ cơ sở về tính bức xúc và cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.

Điều 10. Hội đồng tư vấn xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hội đồng tư vấn xác định danh mục:

- a) Hội đồng được thành lập theo Điều 5 của Quy định này;

b) Hội đồng xem xét, phân tích và lựa chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở ưu tiên thực hiện trong năm dựa trên các tiêu chí sau:

- Tính mới (tiên tiến): Mục tiêu nhiệm vụ cần hướng đến đối tượng và phương pháp nghiên cứu mới (như nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, nghiên cứu phương pháp mới hay giải pháp kỹ thuật mới,...), không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang thực hiện trên địa bàn;

- Tính cấp thiết: Vấn đề nghiên cứu cần hướng đến giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề bức xúc nhằm phục vụ mục tiêu và nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội ở đơn vị cơ sở;

- Tính khả thi: Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ chính tổ chức (được giao thực hiện) và từ các nguồn hợp pháp khác. Có thị trường tiêu thụ sản phẩm, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật rõ ràng.

c) Năng lực tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có thể đáp ứng được;

d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khi được chọn phải có địa chỉ ứng dụng rõ ràng và nơi nhận kết quả để ứng dụng phải có địa chỉ trên địa bàn tỉnh và phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với sản phẩm.

Hội đồng được phép sửa đổi hoặc bổ sung để làm rõ tên, đối tượng nghiên cứu, mục tiêu cần đạt, nội dung, kết quả hoặc sản phẩm dự kiến và các thông tin khác có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thông qua phiếu đánh giá.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được chọn phải có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng đồng ý, thông qua biên bản kiểm phiếu xác định danh mục nhiệm vụ.

2. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Trên cơ sở biên bản họp Hội đồng tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được hỗ trợ hàng năm.

Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai danh mục này trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Thời gian thực hiện một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không quá 15 tháng và chỉ được gia hạn thời gian thực hiện 01 lần nhưng không quá 03 tháng. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định gia hạn, nhưng không vượt quá 24 tháng thực hiện. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ phải thực hiện bằng văn bản trước thời gian kết thúc Hợp đồng.

Chương IV

TUYỂN CHỌN, XÉT DUYỆT ĐỀ CƯƠNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN

Điều 11. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Các tổ chức đã đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải là tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Là tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc được thành lập theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao;

c) Có đủ điều kiện về nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho việc triển khai, phối hợp nghiên cứu và ứng dụng kết quả vào thực tế cuộc sống; tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có thể phối hợp với các tổ chức hoặc cá nhân khác có cơ sở vật chất, nhân lực chuyên môn để thực hiện nội dung nghiên cứu;

d) Tổ chức không được tham gia đăng ký hoặc xét giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khi đến thời điểm nộp hồ sơ chưa thanh lý hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước đây;

đ) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn trong thời gian 03 (ba) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

e) Trường hợp không thực hiện việc đăng ký, nộp lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định sẽ không được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khác cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định.

2. Đối với cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Phải có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 02 (hai) năm công tác liên tục có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ đăng ký thực hiện.

b) Có khả năng triển khai nội dung nghiên cứu và đảm bảo đủ thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được giao.

c) Cá nhân không được xét giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nếu đến thời điểm xét duyệt hồ sơ vẫn còn chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khác chưa kết thúc.

d) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu.

đ) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không

được tham gia đăng ký tuyển chọn trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Thành phần hồ sơ, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là hồ sơ) gồm những văn bản sau đây:

- a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- b) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- đ) Văn bản xác nhận đồng ý của các tổ chức, cá nhân đăng ký phối hợp (nếu có);
- e) Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (trường hợp tổ chức, cá nhân có kê khai huy động kinh phí từ nguồn vốn khác);
- g) Văn bản xác nhận sự đồng ý của các cơ quan có liên quan về việc ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài nếu sản phẩm của đề tài đáp ứng được yêu cầu khoa học và mức chất lượng (nếu có).

2. Hồ sơ được tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ thực hiện hoàn tất và gửi về Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ (với số lượng 10 bộ) để được xem xét.

Điều 13. Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương

1. Thủ trưởng cơ sở tổ chức họp Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương sau khi có Quyết định phê duyệt danh mục của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành.

Hội đồng được thành lập theo Điều 5 của Quy định này. Phiên họp Hội đồng được tổ chức theo trình tự sau:

- a) Thư ký Hội đồng đọc Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự. Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số ủy viên tham dự;
- b) Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày đề cương nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- c) Đại diện Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ đọc bản nhận xét về nội dung và hình thức của đề cương nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- d) Hội đồng xem xét, thảo luận, phân tích để có các ý kiến đánh giá đề cương chi tiết nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- đ) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở giải đáp các câu hỏi của Hội đồng (nếu có);
- e) Hội đồng tiến hành thảo luận riêng để thống nhất nội dung kết luận của Hội đồng, các ủy viên Hội đồng cho điểm đánh giá đề cương;
- g) Biên bản Hội đồng phải ghi rõ ý kiến thảo luận, đánh giá của từng thành viên trong Hội đồng.

2. Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương bằng hình thức cho ý kiến và đánh giá bằng phiếu trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ dự tuyển và xem xét tổ chức, cá nhân trình bày đề cương theo các tiêu chí như sau:

- a) Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 8);
- b) Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24);
- c) Tính mới, tính đủ của sản phẩm khoa học và công nghệ (điểm tối đa 16);
- d) Phương án tổ chức triển khai thực hiện (điểm tối đa 16);
- đ) Tính khả thi về kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20);
- e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 16);

3. Hồ sơ của tổ chức, cá nhân được tuyển chọn là hồ sơ có tổng số điểm trung bình cao nhất nhưng tối thiểu phải đạt 70/100 điểm thông qua biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn.

a) Trường hợp không có hồ sơ nào đạt đến 70 điểm thì phải tổ chức xét tuyển lại nếu nhiệm vụ đó mang tính cấp thiết.

b) Trường hợp một cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trúng tuyển 02 nhiệm vụ thì Hội đồng chỉ cho thực hiện 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể.

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trúng tuyển nhưng từ chối thực hiện thì Thủ trưởng cơ sở quyết định cho dừng thực hiện hoặc chỉ định một tổ chức, cá nhân khác thực hiện nếu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đó có tính cấp thiết trên cơ sở thống nhất với Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Hội đồng phải thông qua kết quả tuyển chọn, xét duyệt đề cương đến tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở và có biên bản họp Hội đồng kèm theo, trong đó, biên bản cần nêu rõ các nội dung phải sửa chữa và bổ sung.

4. Biên bản họp Hội đồng phải được gửi đến tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ trúng tuyển chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội đồng.

5. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày tổ chức Hội đồng, Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ có trách nhiệm tham mưu Thủ trưởng cơ sở thành lập Tổ thẩm định kinh phí để thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

6. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển có nhiệm vụ hoàn chỉnh hồ sơ theo biên bản họp Hội đồng, biên bản thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và nộp lại Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ để chuyển về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày Hội đồng xét duyệt đề cương cho thực hiện.

Điều 14. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng và Tổ thẩm định kinh phí, Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ

của hồ sơ và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét Quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện. Hồ sơ gồm 03 bản chính, cụ thể các nội dung sau:

a) Đề cương chi tiết nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được Hội đồng phê duyệt.

b) Quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở.

c) Biên bản họp Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở.

d) Biên bản thẩm định kinh phí.

đ) Công văn đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của Thủ trưởng cơ sở.

e) Một (01) bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng file .pdf, không đặt mật khẩu).

2. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có thông báo hồ sơ không hợp lệ hoặc Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Sau 04 tháng kể từ khi có Quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, nếu Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ chưa gửi hồ sơ (theo quy định tại Khoản 1 Điều này) về Sở Khoa học và Công nghệ xem như nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó không thực hiện.

Điều 15. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ cấp cơ sở tiến hành kiểm tra định kỳ (2- 3 lần/nhiệm vụ) hoặc kiểm tra đột xuất. Nội dung kiểm tra: Đánh giá kết quả thực hiện về nội dung, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí căn cứ vào đề cương chi tiết đã được phê duyệt. Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ quản lý làm cơ sở để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ sở được phép:

a) Điều chỉnh nội dung nghiên cứu nhưng không được thay đổi mục tiêu đã được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Thay đổi thời gian thực hiện của nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở cho phù hợp với tình hình thực tế của đề tài trên cơ sở thống nhất với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ ít nhất 03 tháng/lần cho tổ chức chủ trì, đơn vị cơ sở và Sở Khoa học và Công nghệ về:

a) Tình hình thực hiện các nội dung đã được phê duyệt;

b) Tình hình sử dụng kinh phí;

c) Kế hoạch hoặc phương án triển khai giai đoạn tiếp;

d) Kiến nghị (nếu có).

3. Sở Khoa học và Công nghệ (Phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở) tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện ít nhất 02 lần/nhiệm vụ và đánh giá kết quả thực hiện.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Điều 16. Thành phần hồ sơ, nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu

1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của tổ chức chủ trì.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

c) Bản sao Hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

d) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

đ) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (nếu có).

e) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Nộp hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Thời hạn nộp hồ sơ được thực hiện chậm nhất trong thời gian 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc Hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn Hợp đồng (nếu có).

b) Hồ sơ được gửi về Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ (với số lượng 10 bộ) để được xem xét.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ.

Điều 17. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu

1. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu được thành lập theo Điều 5 của Quy định này. Các thành viên của Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá và được hưởng chế độ bồi dưỡng trách nhiệm theo quy định.

2. Việc đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Căn cứ vào nội dung nghiên cứu, thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã phê duyệt; Hợp đồng đã ký kết và các nội dung đánh giá được quy định tại Quy định này;

b) Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, trung thực và chính xác;

c) Tiến hành đúng quy trình, thủ tục của Quy định này.

Điều 18. Trình tự làm việc của Hội đồng đánh giá và nghiệm thu

1. Thư ký hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự. Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ báo cáo kết quả thực hiện.

3. Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ cơ sở đọc bản nhận xét về quá trình thực hiện.

4. Ủy viên phản biện đọc bản nhận xét đánh giá.

5. Hội đồng xem xét, thảo luận, phản biện, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, mức độ giải quyết được các yêu cầu đã đặt ra, nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

6. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở giải đáp các câu hỏi của Hội đồng và đại biểu tham dự phiên họp.

7. Hội đồng tiến hành thảo luận riêng để thống nhất nội dung kết luận của Hội đồng và các ủy viên Hội đồng bỏ phiếu đánh giá kết quả thực hiện.

8. Chủ tịch Hội đồng công bố kết quả bỏ phiếu và nêu kết luận chung của Hội đồng về các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi (nếu có), thời gian chủ nhiệm hoàn thiện báo cáo tổng kết và bế mạc phiên họp Hội đồng.

9. Biên bản Hội đồng được Bộ phận phụ trách khoa học gửi đến tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong thời gian 07 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 19. Phương pháp đánh giá và xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Tiêu chí đánh giá: Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bằng hình thức cho ý kiến đánh giá và điểm qua “Phiếu đánh giá nghiệm thu” căn cứ theo tiêu chí cụ thể như sau:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	<i>Mức độ hoàn thành khối lượng, kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (so với đề cương nghiên cứu được duyệt và hợp đồng thực hiện)</i>	40
1.1	Tính đầy đủ về số lượng, chủng loại, khối lượng của các sản phẩm của đề tài	20
1.2	Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát...	10
1.3	Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ...	10
2	<i>Giá trị khoa học</i> (tính mới, sáng tạo...)	10

3	Giá trị ứng dụng vào thực tế quản lý, sản xuất và đời sống	40
3.1	Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng	20
3.2	Đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường	20
4	Đánh giá về tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, chi tiêu tài chính và những đóng góp khác	10
	Tổng cộng:	100

2. Kết quả đánh giá nghiệm thu được xác định qua tổng số điểm trung bình của Hội đồng và được xếp loại như sau:

+ Loại A:	Xuất sắc	- Có tổng số điểm trung bình từ 91 đến 100 điểm
+ Loại B:	Khá	- Có tổng số điểm trung bình từ 71 đến 90 điểm
+ Loại C:	Trung bình	- Có tổng số điểm trung bình từ 50 đến 70 điểm
+ Loại D:	Không đạt	- Có tổng số điểm trung bình dưới 50 điểm

3. Đơn vị cơ sở phối hợp với Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, đồng thời chịu trách nhiệm công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 20. Một số vấn đề khác có liên quan của Hội đồng đánh giá nghiệm thu

1. Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ cơ sở có trách nhiệm đơn đốc chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoàn chỉnh báo cáo khoa học, giao nộp sản phẩm, quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoàn chỉnh báo cáo tổng kết (theo biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu), quyết toán, thanh lý và giao nộp sản phẩm đúng theo hợp đồng ký kết chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày tổ chức Hội đồng đánh giá nghiệm thu. Trường hợp chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không hoàn chỉnh báo cáo tổng kết theo biên bản Hội đồng và giao nộp sản phẩm theo đúng thời hạn quy định thì buộc phải hoàn trả phần kinh phí đã được cấp.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được Hội đồng khoa học và công nghệ nghiệm thu nhưng kết quả không đạt theo đề cương. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét theo từng trường hợp cụ thể để Quyết định thu hồi kinh phí đã cấp cho tổ chức chủ trì.

Điều 21. Đăng ký và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được Hội đồng đánh giá nghiệm thu ở mức “loại C” trở lên, trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá nghiệm thu, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng gửi về Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ có trách nhiệm trình

Thủ trưởng cơ sở xem xét quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ và gửi hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Hồ sơ gồm 03 (ba) bản chính, gồm các nội dung sau:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu;
- b) Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu;
- c) Bản giấy báo cáo tổng hợp (đóng bìa cứng) kết quả nghiên cứu đã hoàn thiện sau khi được nghiệm thu và các Phụ lục số liệu; bản vẽ; bản đồ; ảnh (nếu có);
- d) Bản điện tử báo cáo tổng hợp có nội dung như bản giấy phải sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản (phần mở rộng là .doc) hoặc phần mềm bảng biểu (phần mở rộng là .xls) hoặc Acrobat (phần mở rộng là pdf) được ghi trên đĩa CD và không được đặt mật khẩu. Đối với phần mềm soạn thảo văn bản và phần mềm bảng biểu phải sử dụng font chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman).

4. Tổ chức chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ, báo cáo về ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định hiện hành.

Điều 22. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cá nhân chủ nhiệm và tổ chức chủ trì phải thực hiện quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Sau khi có Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện việc đánh giá, kiểm kê và bàn giao sản phẩm, tài sản đã mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng nghiên cứu bằng kinh phí nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Việc thanh lý Hợp đồng giữa các bên tham gia ký Hợp đồng được tiến hành sau khi có kết quả quyết toán và kiểm kê tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 23. Công bố và sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu

1. Căn cứ kết quả của Hội đồng nghiệm thu, Thủ trưởng cơ sở Quyết định nghiệm thu và công bố kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên các phương tiện thông tin truyền thông, Tạp chí Khoa học và Công nghệ và Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ để các tổ chức, cá nhân có điều kiện ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

2. Căn cứ nhu cầu thực tiễn của xã hội nói chung và tổ chức, cá nhân nói riêng, Thủ trưởng cơ sở là đơn vị quyết định chuyển giao kết quả nghiên cứu đến tổ chức, cá nhân cho phù hợp.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và tổ chức chủ trì có trách nhiệm trực tiếp chuyển giao kết quả nghiên cứu cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu ứng dụng vào sản xuất và đời sống theo quy định của pháp luật.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký, lưu giữ tại Sở Khoa học và Công nghệ sau khi có văn bản thẩm định kết quả.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn và xây dựng các biểu mẫu về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định; đồng thời có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh và báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ 06 tháng/lần (vào ngày 30/6 và ngày 31/12 hàng năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu về kết quả thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 25. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Quang Thi